

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHOÁ X - KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn
ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 564/TTr-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nội dung
chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025; báo cáo thẩm tra của
Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng dân tỉnh tại
kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 27 tháng 02 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 3 năm 2023./. *KW*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: TP, TC, NN và PTNT, KH và ĐT;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT. TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TP, TC, NN và PTNT, KH và ĐT, KBNN, Cục Thống kê, Cục Thuế tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT - TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



QUY ĐỊNH

Nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 01/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách trung ương phân bổ cho địa phương và nguồn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến nội dung mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Chương II QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CỤ THỂ

Điều 4. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

Nội dung và mức chi từ nguồn ngân sách trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 98/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 5. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

Mức chi từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm các nội dung sau:

1. Chi thiết lập mới đài truyền thanh xã đối với các xã: 191.000.000 đồng/đài.

2. Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông: 35.500.000 đồng/cụm.

3. Mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các ấp trong xã để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu đến các hộ dân trong xã: 35.500.000 đồng/cụm.

Điều 6. Chi hỗ trợ các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, quy mô ấp

1. Chi hỗ trợ thực hiện mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 7.000.000 đồng/mô hình.

2. Chi hỗ trợ thực hiện mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô ấp: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 500.000.000 đồng/mô hình.

Điều 7. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh tối đa 100% kinh phí, nhưng không quá 6.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng cây ăn trái có diện tích từ 10 ha trở lên), không quá 5.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng lúa có diện tích từ 10 ha trở lên); không quá 5.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng rau củ quả thực phẩm có diện tích từ 05 ha trở lên). Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ.

2. Hỗ trợ chi phí truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh 100% kinh phí, nhưng không quá 20.000.000 đồng/cơ sở.

Điều 8. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

1. Nội dung hỗ trợ dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp theo quy định tại Mục II Điều 1 Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm: (1) Tư vấn xây dựng liên kết; (2) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết; (3) Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Mục II Điều 1 Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Tổng mức chi hỗ trợ cho một (01) dự KW

án/kế hoạch liên kết không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án/kế hoạch liên kết trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Điều 9. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

1. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho cơ giới hóa: Áp dụng theo quy định tại điểm b và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao: Hỗ trợ 40% kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200.000.000 đồng/mô hình đối với trồng trọt, 100.000.000 đồng/mô hình đối với chăn nuôi, 450.000.000 đồng/mô hình đối với nuôi trồng thủy sản.

Điều 10. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

1. Nội dung hỗ trợ áp dụng theo khoản 2 Mục III Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh thực hiện đối với các nội dung sau:

a) Điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các làng nghề truyền thống và đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ, xét công nhận: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Xây dựng kế hoạch khôi phục, bảo tồn đối với làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền: Chi hỗ trợ đào tạo, truyền nghề, nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; hỗ trợ cải tiến thiết kế mẫu mã, nâng cao chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy định này; hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện cho các làng nghề được phục hồi và phát triển theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c) Hỗ trợ làng nghề truyền thống đã được công nhận và đang hoạt động hiệu quả để phát triển và nhân rộng: Nội dung, nguyên tắc và định mức hỗ trợ thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 11. Chi đẩy mạnh, sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết sản xuất muối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; mô hình thí điểm sản xuất muối kết hợp du lịch nông thôn, du lịch nghỉ dưỡng; mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối sạch; mô hình sản xuất muối chứa nhiều khoáng chất, vi chất dinh dưỡng tự nhiên theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn

ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Mục II Điều 1 Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm muối ở các địa phương: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh là 100% kinh phí thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng/cơ sở.

Điều 12. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 500.000.000 đồng/mô hình.

Điều 13. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

1. Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- a) Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000.000.000 đồng/thiết chế;
- b) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500.000.000 đồng/thiết chế;
- c) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80.000.000 đồng/thiết chế;
- d) Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp: 50.000.000 đồng/thiết chế.

2. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- a) Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100.000.000 đồng/01 tủ sách;
- b) Thư viện, tủ sách xã: 50.000.000 đồng/01 tủ sách;
- c) Tủ sách ấp: 30.000.000 đồng/tủ sách.

3. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, ấp và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, ấp:

- a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50.000.000 đồng/xã/01 năm;
- b) Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp: Kinh phí tổ chức giải thể thao ấp là 30.000.000 đồng/ấp/01 năm. *KW*

Điều 14. Chi hỗ trợ tổ chức thực hiện các đề án/kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh

1. Chi hỗ trợ tổ chức thực hiện đề án/kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 700.000.000 đồng/mô hình.

2. Chi hỗ trợ phát triển, nhân rộng mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn phát sinh: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 350.000.000 đồng/mô hình.

Điều 15. Chi hỗ trợ xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 700.000.000 đồng/dự án.

Điều 16. Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 300.000.000 đồng/xã.

Điều 17. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 500.000.000 đồng/mô hình.

Điều 18. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ là 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 500.000.000 đồng/mô hình. *KW*

Điều 19. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này là 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng/mô hình.

Điều 20. Chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này là 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng/mô hình.

Điều 21. Mức hỗ trợ xây dựng mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sản có nhằm vun đắp, giữ gìn giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này là 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 30.000.000 đồng/mô hình.

Điều 22. Mức hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát của cộng đồng

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 45 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này là 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng/mô hình.

Điều 23. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp do Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nguồn ngân sách chi thường xuyên của ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

3. Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và nguồn đóng góp khác theo quy định của pháp luật. **KW**